

Bản án số: 115/2022/DS-ST

Ngày: 05/4/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thực Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1/ Ông Đinh Hoàng D, sinh năm: 1955

2/ Bà Lưu Thị Lệ H, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ thường trú: Q7 BM, Phường P, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 109 Đường 35A, TQN, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1996; Địa chỉ: 605 NT, Phường G Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2020).(có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Kh, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: 40D/19B HT, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Vương Lê Diệu Tr, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: B1/6D Ấp 2 xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Đinh Ngọc Th, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12 lô 12 PTH, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: B1/6D Ấp 2 xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, ngày 13/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đinh Hoàng D, bà Lưu Thị Lệ H do bà Nguyễn Thị Ngọc Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đinh Hoàng D và bà Lưu Thị Lệ H cho bà Nguyễn Thị Bích Kh vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Hai bên có lập giấy vay tiền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Thịnh Vượng ngày 19/11/2019. Thời hạn vay tiền 06 tháng, lãi suất 20%/năm. Cùng ngày 19/11/2019 ông D, bà H đã giao đủ số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Kh; bà Kh giao cho ông D và bà H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Bích Kh cùng sử dụng với bà Vương Lê Diệu Tr và Đinh Ngọc Th; thửa đất số 438, tờ bản đồ số 65, địa chỉ B1/6D Ấp 2 xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc giao giấy chứng nhận này để tạo sự tin tưởng cho việc sẽ trả nợ đúng hạn của bà Kh, không phải thế chấp tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì bà Kh đã trả cho ông D và bà H 05 (năm) tháng tiền lãi, việc trả lãi không có giấy tờ gì. Sau đó bà Kh không trả thêm khoản tiền lãi cũng như tiền nợ gốc nào. Ông D và bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Kh trả nợ nhưng bà Kh không thực hiện, còn cố tình trốn tránh và không liên lạc với ông D và bà H.

Nay ông D và bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Kh phải trả số còn thiếu là 1.203.963.000 đồng (Trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 203.963.000 đồng).

Đối với tiền lãi ông D, bà H yêu cầu cụ thể như sau:

Từ ngày 19/4/2020 đến ngày 19/5/2020 lãi suất là 20%/năm (Tương đương 1.66%/tháng), thời gian 1 tháng = 16.660.000 đồng.

Từ ngày 19/5/2020 đến ngày 5/4/2022 lãi suất 10%/năm (Tương đương 0.83%/tháng), thời gian 22 tháng 17 ngày = $1.000.000.000 \text{đ} \times 0.83\% \times 22 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 187.303.000 \text{đồng}$.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông D, bà H và bà Kh. Nguyên đơn yêu cầu bà Kh thanh toán một lần số nợ trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà Kh thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc và lãi, ông D và bà H đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN586564, số vào sổ cấp GCN:CS08562 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2019 cho bà Kh.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Lê Diệu Tr, Đinh Ngọc Th trình bày:

Bà Tr, bà Th không có mối quan hệ gì với bà Kh. Bà Tr, bà Th và bà Kh cùng mua nhà trên thửa đất số 438 tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ B1/6D ấp 2, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Do diện tích căn nhà không đủ để tách thửa từng căn riêng lẻ nên bà Kh, bà Tr, bà Th cùng đứng tên đồng sở hữu chung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tuy nhiên, mỗi người đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên riêng. Do không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa ông D, bà H và bà Kh nên bà Tr và bà Th không có ý kiến gì và đề nghị Tòa giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật. Bà Tr và bà Th có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Kh đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Kh vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Bà Kh không có bản trình bày lời khai của mình về vụ án cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà Kh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng vay tiền xác định đây là quan hệ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản''. Do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8.

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu là 1.203.963.000đồng (Trong đó nợ gốc 1.000.000.000đồng và tiền lãi là 203.963.000đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện, đồng vay tiền, chứng cứ thu thập và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của ông Đinh Hoàng D và bà Lưu Thị Lệ H, hợp đồng vay tiền và biên bản giao nhận tiền và cam kết ký kết giữa ông D, bà H và bà Kh cùng ngày 19/11/2019. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn - bà Nguyễn Thị Bích Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Bà Vương Lê Diệu Tr, Đinh Ngọc Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, nguyên đơn yêu cầu bà Kh phải thanh toán số tiền nợ còn thiếu là 1.203.963.000đồng (trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đồng và tiền lãi là 203.963.000đồng). Nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; ông D và bà H trả lại cho bà Kh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bà Kh không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ hợp đồng vay tiền ký kết giữa ông D, bà H và bà Kh ngày 19/11/2019 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Thịnh Vượng, nội dung của hợp đồng thể hiện ông D, bà H cho bà Kh vay số tiền là 1.000.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận không quá 20%/năm. Hai bên có lập biên bản giao nhận tiền và cam kết ngày 19/11/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Kh chỉ trả được 05 tháng tiền lãi. Từ ngày 19/4/2020 bà Kh ngưng thanh toán tiền lãi và không thanh toán khoản nợ gốc nào. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Kh cũng không có mặt để trình bày lời khai

và cung cấp chứng cứ về việc đã trả nợ cho ông D, bà H. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Kh trả số tiền nợ gốc 1.000.000.000đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét, nguyên đơn yêu cầu bà Kh trả tiền lãi trong hạn (tính từ ngày 19/4/2020 đến ngày 19/5/2020) và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (tính từ ngày 19/5/2020 đến ngày Tòa án xét xử vụ án là ngày 05/4/2022). Hội đồng xét xử xét thấy, khi các bên xác lập giao dịch vay tiền thì có thỏa thuận về việc trả lãi không quá 20%/năm. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu về tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, số tiền lãi bà Kh phải trả cho ông D, bà H được tính cụ thể như sau: Từ ngày 19/4/2020 đến ngày 19/5/2020 lãi suất là 20%/năm (Tương đương 1.66%/tháng), thời gian 1 tháng = 16.660.000đồng. Từ ngày 19/5/2020 đến ngày 5/4/2022 lãi suất 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng), thời gian 22 tháng 17 ngày = $1.000.000.000đ \times 0.83\% \times 22 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 186.704.000đ$ đồng. Tổng số tiền lãi phải trả là 16.660.000đồng + 187.304.000đồng = 203.963.000đồng

Xét, việc bà Kh có giao cho ông D và bà H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN586564, số vào sổ cấp GCN:CS08562 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Bích Kh đứng tên chủ sở hữu (cùng sử dụng với bà Vương Lê Diệu Tr và bà Đinh Ngọc Th).

Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông D và bà H và bà Kh có lập biên bản giao nhận tiền và cam kết ngày 19/11/2019 có nội dung "...Bên B đưa cho bên A toàn bộ giấy tờ nhà, đất của bà Nguyễn Thị Bích Kh tại địa chỉ: B1/6D Ấp 2, xã PP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 932932, số vào sổ cấp GCN: CS07954 do Sở Tài nguyên và Môi trường, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày: 28/3/2018"; Giấy chứng nhận này được thay thế bởi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN586564, số vào sổ cấp GCN:CS08562 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Bích Kh đứng tên chủ sở hữu (cùng sử dụng với bà Vương Lê Diệu Tr và bà Đinh Ngọc Th), ông D và bà H đang giữ bản chính giấy chứng nhận này. Do hai bên không có thỏa thuận việc thế chấp nên chỉ có thể xem việc bà Kh giao giấy chứng nhận cho ông D và bà H là để tạo sự tin tưởng cho việc xác lập giao dịch. Điều này cũng phù hợp với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa. Do đó, ông D và bà H phải trả cho bà Kh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vương Lê Diệu Tr và bà Đinh Ngọc Th trình bày ý kiến hai bà không có mối quan hệ gì với bà Kh; cũng như không biết và không liên quan đến việc vay tiền giữa ông D, bà H và bà Kh.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà bà Kh giao cho ông D và bà H không liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bà, hai bà không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: là 48.118.890 đồng, bị đơn bà Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án phí theo đơn đề nghị ngày 10/6/2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Hoàng D, bà Lưu Thị Lệ H.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Kh phải thanh toán cho ông Đinh Hoàng D, bà Lưu Thị Lệ H số tiền là 1.203.963.000 (Một tỷ hai trăm lẻ ba triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn) đồng (trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 203.963.000 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Đinh Hoàng D, bà Lưu Thị Lệ H phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN586564, số vào sổ cấp GCN:CS08562 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Bích Kh.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.118.890 (Bốn mươi tám triệu một trăm mười tám ngàn tám trăm chín mươi) đồng. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Đinh Hoàng D, bà Lưu Thị Lệ H được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Nga